

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **167/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23-9-2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Châu Thị Kim Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Văn Thành;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1986. *Vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện S, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã M), huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 13/12/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

không hạnh phúc, anh T không lo cho vợ con, bài bạc và đánh đập chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/10/2007 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 12/5/2013. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 15/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm ăn xa nhà nên chị N có qua lại với em rể của anh, khi anh phát hiện thì có đánh chị N. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, ai cũng có lỗi và anh hứa không đánh chị N nữa. Vì vậy, anh xin Tòa án giải quyết cho đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/10/2007 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 12/5/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con của chị Trần Thị N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại thôn X, xã Q, huyện S, tỉnh N. Chị N xin ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã M), huyện S, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 13/12/2006 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn giữa chị N và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N là do anh T không lo cho vợ con, hay bài bạc và đánh đập chị. Anh T thừa nhận anh có đánh chị N do khi anh đi làm ăn xa nhà, chị N có qua lại với em rể của anh. Quá trình giải quyết vụ án, anh T xin được đoàn tụ, nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/10/2007 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 12/5/2013. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con, còn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, anh T có nguyện vọng nuôi con nhưng tại các phiên tòa anh T đều vắng mặt không lý do, thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Trong khi đó, chị N cung cấp Hợp đồng lao động giữa chị với Nhà máy may Q và các phiếu chi tiết lương thể hiện chị có công việc ổn định với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 11.160.000 đồng là đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 21/7/2022 cháu N có nguyện vọng ở với mẹ nên cần tôn trọng nguyện vọng của cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, cần giao cháu H và cháu N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định

tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Minh T về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 31/10/2007 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N không yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị Trần Thị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị N đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004750 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự

phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã M, huyện Quế Sơn
- (Giấy CNKH số 24 ngày 13/12/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Châu Thị Kim Phụng**